

Bản án số: 165/2025/HS-ST
Ngày: 18-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC G - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu L.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Thành V.
- Bà Nguyễn Thị Kim A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thu H – Thư ký Tòa án nhân Khu vực G - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực G - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải O- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực G - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 106/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 682/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm: 1996 tại: Tỉnh Tây Ninh; hộ khẩu thường trú: Tổ E, Ấp F, xã S, huyện T (nay là xã T), tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N; Có vợ tên Võ Thị Kiều O, sinh năm 2000 và 01 con lớn sinh năm 2023; tiền sự: không; tiền án: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày: 18/6/2024; (Có mặt).

2. Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1993, tại: Tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang); hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang (nay là xã U, tỉnh An Giang); Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 và bà Huỳnh Thị N2; Chưa có vợ con; tiền sự: không; tiền án: không; tạm giữ, tạm giam từ ngày: 18/6/2024; (Có mặt).

Bị hại:

1. Ông Nguyễn Ngọc V, sinh năm: 2000; Địa chỉ: Số E N, Phường H, quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

2. Ông Đinh Thế D, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Số D T, Phường A, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H1: Ông Nguyễn Văn T1 – Luật sư của Trung tâm T2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 10/6/2024, Võ Thị Kiều O sử dụng tài khoản facebook messenger "Võ Thị Kiều O" gọi cho chồng là Nguyễn Văn T có tài khoản facebook messenger "T N3" kể về việc O bị bạn trai cũ là Nguyễn Ngọc V dùng hình ảnh, tin nhắn vào thời điểm O và V có quan hệ tình cảm với nhau để uy hiếp buộc O phải tiếp tục quan hệ tình cảm. Nghe O nói vậy, T rất tức giận và hỏi V dùng hình ảnh gì để uy hiếp và hăm dọa gửi cho T xem, thì O gửi cho T hình ảnh bạn trai cũ và O ngồi ôm hôn với nhau trước gương trong khách sạn. T nhìn thấy ảnh O gửi và nhìn vào bộ quần áo O mặc, chiếc nhẫn O đeo thì T nhận biết ảnh này chụp trong khoảng thời gian gần đây. Lúc này, T biết O ngoại tình nên T nói với O "mày cho tao địa chỉ thằng đó để tao qua tìm nó chuyện rồi tao tính sổ hai đứa mày luôn". O nói không biết địa chỉ của V, chỉ biết V đang làm nhân viên phục vụ tại Nhà hàng số 353 đường T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc này, T rất tức giận và xin nghỉ làm để về phòng hai vợ chồng T thuê trọ tại địa chỉ số A đường P, Phường A, quận T. T thay quần áo và mang theo con dao làm bếp dài khoảng 25 cm, T bọc con dao trong miếng xốp mềm màu xám, buộc dây thun rồi giấu vào túi áo khoác của T mang đi kiếm V. Mục đích T mang theo dao để tìm V đánh vì V có quan hệ với O, sau đó T chạy xe đến các nhà hàng nơi O từng làm nhân viên phục vụ để tìm O nhưng không gặp.

Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 11/6/2024, O gọi lại cho T nói đã tìm được chỗ ở của V tại địa chỉ số I đường P, Phường A, quận G và gửi định vị vị trí hiện tại của O qua cho T. Đồng thời, O sử dụng tài khoản facebook messenger "Võ Thị Kiều O" gọi cho Nguyễn Văn H1 là bạn của T và O sử dụng tài khoản facebook messenger "Hậu Phượng H2". Khi T đến vị trí theo định vị của O gửi thì T thấy H1 đang đứng với O cùng hai bảo vệ dân phố, do T đang mang theo dao trong người nên T đậu xe bên quán cà phê đối diện với nhà địa chỉ số I đường P để quan sát tình hình. Đến khi hai bảo vệ dân phố rời đi thì T gọi cho ông Nguyễn Trọng C là quản lý tại nhà hàng K địa chỉ số E đường N, Phường I, quận G nơi T làm nhân viên để nhờ ông C gọi người đến chạy xe của T về quán còn T đi bộ sang phía O và H1 đang đứng. Khi gặp O, T hỏi việc như thế nào thì O nói O vừa vào phòng của V thuê trọ tại phòng G.02 nhà số I đường P, Phường A, quận G để đòi nợ nhưng V không trả còn đánh O. Lúc này, T bị mất bình tĩnh, do T đang giận về việc O ngoại tình nên khi nghe O nói xong thì T không nói gì với O nữa, T nói với H1, để T tìm cách vào nhà tìm bạn trai cũ

của O giải quyết mâu thuẫn. Do thời điểm này đã là 3 giờ sáng nên cửa nhà trọ đóng và không có ai ra vào. O do lo sợ T sẽ làm bậy nên ở lại để khuyên ngăn T. T, H1, O ngồi đợi ở công viên giữa đường P. T cùng H1, O ngồi đến khoảng 4 giờ sáng thì O và H1 đều mệt nên T nói O và H1 đi về trước để mình T ở lại giải quyết mâu thuẫn. Sau đó, O lấy xe của O về trước, còn H1 nói ở lại để can ngăn T vì sợ T sẽ làm bậy. T và H1 ngồi lại đến khoảng gần 6 giờ sáng thì có người từ trong nhà ra mở cửa. Lúc này, T và H1 chạy xe đến và xin cho vào nhà trọ thì được đồng ý. T và H1 đến trước phòng G.02 thì thấy cầu dao điện ở phía trước cửa phòng nên T gạt cầu dao để trong phòng tắt điện với mục đích để người trong phòng G.02 tự mở cửa ra kiểm tra thì T và H1 sẽ xông vào. Khi có người phía trong ra mở cửa thì T bật cầu dao điện lên và cùng H1 xông vào trong, H1 khóa cửa phòng lại, T bật đèn trong phòng sáng lên. Khi vào được trong phòng, T thấy trong phòng có hai nam thanh niên, qua hình ảnh O gửi cho T, T nhận ra nam thanh niên ra mở cửa phòng chính là V, còn một nam thanh niên đang nằm trên giường là Đinh Thế D. Lúc này, T liền cầm cái bàn để máy Laptop có 04 (bốn) chân đập về phía người của V nhưng Vũ co người và dùng tay đỡ được nên T ném cái bàn xuống sàn nhà định lao lên giường tấn công V thì bị H1 kéo tay ngăn T lại và nói T bình tĩnh. Lúc này, T nói D không liên quan thì ngồi qua một bên để T giải quyết việc riêng, H1 thì lấy điện thoại di động cá nhân của H1 ra quay phim lại đồng thời nói với V "tao bắn mày trước, tao là cảnh sát hình sự và bên ngoài có nhiều anh em đang đứng chờ" nhằm mục đích hỏi V có thừa nhận quan hệ tình cảm giữa V với vợ của T không.

T hỏi V và O có quan hệ tình cảm ra sao, đã có quan hệ tình dục với nhau chưa thì V thừa nhận có quan hệ tình cảm và quan hệ tình dục với O nhiều lần tại khách sạn nhưng V nói việc quan hệ này là do O chủ động trước. Nghe V nói vậy, T thấy bị xúc phạm, vì quá bức xúc từ việc V nói O chủ động rủ V đi khách sạn nên T dùng tay không nắm bên trái nắm trúng vào mặt bên phải của V một cái. Sau đó, T rút con dao được bọc trong miếng xốp mà T đã chuẩn bị trước trong túi áo khoác trong người Tài ra thì được H1 can ngăn. T cầm dao trên tay giơ lên trước mặt V và nói "mày có tin tao giết mày hay không" thì V ngồi im không trả lời nên H1 dùng chân phải đá trúng vào mặt bên phải của V 02 (hai) cái. Sau khi bị T và H1 đánh, V thừa nhận thêm việc V cùng O đi thuê khách sạn và quan hệ tình dục với nhau cách đây vài ngày thì T cảm thấy xấu hổ về O nên T chuyển sang hỏi V về khoản nợ mà T nghe O nói V đã vay mượn tiền và đền bù tiền V đập làm hư chiếc điện thoại hiệu Iphone 11 của O với số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Khi T hỏi về khoản tiền này thì Vũ nói chỉ nợ tiền bồi thường vì đã làm hư hỏng điện thoại của O trong thời gian V và O có quan hệ tình cảm, V không thừa nhận vay mượn tiền của O. T hỏi 03 (ba) chiếc điện thoại đang để trên giường còn lại của ai thì được biết là điện thoại của D nên T không lấy. Lúc này, T thấy V đang cầm chiếc điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max trên tay thì T yêu cầu V đưa cho T chiếc điện thoại, T thấy 01 (một) máy Laptop hiệu Dell đang để sặc dưới nền nhà, T nghĩ chiếc điện thoại của V đưa chưa đủ giá trị 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) nên T lấy thêm máy Laptop của D. Đồng thời, T để lại số điện thoại 0365.838.938 của T, khi nào V

có tiền chuộc thì liên hệ cho T. Khi ra về, T là người cầm điện thoại hiệu Iphone 13 Pro Max của V và máy Laptop hiệu Dell của D mang về phòng trọ của T tại Phường A, quận T cất giấu. Sau khi T lấy điện thoại và máy Laptop xong thì T yêu cầu D ra mở cửa cho H1 và T rời khỏi phòng của V. H1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision biển số: 68L1 - 179.22 của H1 chở T mang theo chiếc điện thoại và máy Laptop Tài vừa chiếm đoạt được tại phòng trọ của V và D về phòng trọ của vợ chồng T thuê tại địa chỉ: 1 P, Phường A, quận T. Sau đó, H1 điều khiển xe đi về quán Karaoke số E N, Phường I, quận G để làm việc.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 242/KL-HĐĐGTS ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân quận G kết luận: 01 (một) máy tính xách tay hiệu D1 M6700 core i7 8GB AMD FirePro, đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 11/6/2024 có giá trị: 3.766.667 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, dung lượng 128GB, đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá ngày 11/6/2024 có giá trị: 13.066.667 đồng. Tổng giá trị của tài sản định giá tại thời điểm định giá ngày 11/6/2024 có giá trị: 16.833.334 đồng (mười sáu triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) USB chứa đoạn video Clip ghi nhận lại hình ảnh có nội dung liên quan đến vụ việc Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1 thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Ngọc V và Đinh Thế D (lưu theo hồ sơ vụ án).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 8T, kiểu máy CPH2481, số sim: 0866467764, là điện thoại của Nguyễn Văn H1.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, imeil: 356547106428915, imei2: 35654710629304, là điện thoại của Nguyễn Văn T.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, imeil:352569484506728, imei2: 352569484518582. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Ngọc V.

- 01 (một) máy tính xách tay hiệu D2 M6700 Core i7 8 Gb AMD FirePro. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Đinh Thế D.

- 01 (một) con dao làm bếp có chiều dài 28 cm (cán gỗ dài 13 cm, lưỡi dao làm bằng kim loại màu trắng dài 15 cm).

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ - đen mang biển số 68L1 - 179.22 có số khung: RLHJF5814GY545076; số máy: JF66E475914. Qua xác minh, bị cáo Nguyễn Văn H1 là chủ sở hữu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã nhập kho vật chứng nêu trên theo Phiếu nhập số 302/PNK ngày 12/11/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Ngọc V và ông Đinh Thế D đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với thương tích của ông Nguyễn Ngọc V, do vết thương đã lành, không đáng kể nên ông V từ chối giám định thương tích nên không có cơ sở xác định tỷ lệ thương tích với ông V.

Đối với Võ Thị Kiều O là người kể chuyện bị ông Nguyễn Ngọc V đánh cho Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H1 nghe. O không nói T và H1 đánh ông V để cướp tài sản, vì vậy chưa đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với O.

Đối với Nguyễn Trọng C là người được T nhờ gọi người đến lấy xe của T về quán thì sau khi nhận được cuộc gọi của T, C có nhờ một nam phục vụ đến lấy xe của T về nhưng không nhớ rõ nhân thân lai lịch và các nhân viên thời điểm đó cũng đã nghỉ việc. C xác định không biết và không liên quan đến hành vi cướp tài sản của T. Do đó, không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với C.

Tại bản cáo trạng số 134/CT-VKS-GV, ngày 20/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực G – Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1 về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát sau khi luận tội và đưa ra quan điểm xét xử đã đề nghị:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 07 năm đến 07 năm 6 tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 07 năm đến 07 năm 6 tháng tù.

- Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Áp dụng vào Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 1, điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án: 01 (một) USB chứa video Clip ghi nhận lại hình ảnh có nội dung liên quan đến vụ việc Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1 thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

- Tịch thu và tiêu huỷ: 01 (một) con dao làm bếp, chiều dài 28 cm (cán dài 13 cm, lưỡi bằng kim loại dài 15 cm).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, imei 1: 356547106428915, imei 2: 35654710629304.

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ - đen mang biển số 68L1 – 179.22 có số khung: RLHJF5814GY545076, số máy: JF66E475914

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H1 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 8T, kiểu máy CPH2481, số sim: 0866467764.

Người bào chữa cho bị cáo T và H1: Tôi đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, tôi không đồng ý một số nội dung sau:

Không có căn cứ áp dụng tình tiết “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác”: Mặc dù bị cáo T mang theo dao khi đến gặp bị hại V tuy nhiên, việc mang theo dao chỉ là phản ứng bộc phát, xuất phát từ trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do phát hiện vợ mình có hành vi ngoại tình với bị hại. Mục đích của bị cáo khi sử dụng dao chỉ nhằm khống chế ban đầu để tra hỏi, làm rõ mối quan hệ trái pháp luật giữa vợ mình và bị hại, hoàn toàn không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Ngay sau khi bị hại V thừa nhận hành vi quan hệ với vợ bị cáo, bị cáo T đã chủ động cất dao đi và không tiếp tục sử dụng trong suốt quá trình diễn ra việc trao đổi về khoản nợ. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định việc mang theo và sử dụng dao trong giai đoạn đầu không mang tính chất “sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, mà chỉ là hệ quả của phản ứng tâm lý tức thời trong hoàn cảnh đặc biệt. Do đó, việc cáo trạng đánh giá và áp dụng tình tiết tăng nặng “sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp với bản chất hành vi và diễn biến khách quan của vụ việc, cần được xem xét lại để bảo đảm khách quan, toàn diện.

Đối với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T, H1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cụ thể như sau: Bị cáo T, H1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Thông qua gia đình, bị cáo T, H1 đã chủ động đề nghị khắc phục cho bị hại V số tiền 2.500.000 đồng theo đơn xin khắc phục hậu quả của bố mẹ bị cáo T. Bản thân tôi đã đại diện gia đình đến gặp bị hại ông V và ông D để bồi thường, ông V và ông D nhận thành ý và cho lại bị cáo T, H1 số tiền 5.000.000 đồng mà gia đình bị cáo đã bồi thường để lo cho gia đình. Đây là tình tiết người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo T phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật của bị hại V, người đã có quan hệ bất chính với vợ của bị cáo, gây tổn thương nghiêm trọng về mặt tâm lý và danh dự đối với bị cáo T theo điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bên cạnh đó, bị cáo T và H1 là người phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình. Bị cáo T hiện đang trực tiếp gánh vác trách nhiệm chăm lo cho cha mẹ già mắc bệnh hiểm nghèo, mất sức lao động và nuôi dưỡng hai người em còn nhỏ đang độ tuổi đi học. Ngoài ra, sau khi vụ việc xảy ra, vợ của bị cáo T đã bỏ đi, để lại con chung sinh năm 2023 cho cha mẹ bị cáo - những người cao tuổi, bệnh tật nuôi dưỡng. Do đó, mong Hội đồng xét xử xem xét những tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b, e khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để bị cáo T, H1 nhận được sự khoan hồng của pháp luật, sớm trở về lo cho gia đình. Đề nghị cho các bị cáo được áp dụng Điều

54 của Bộ luật Hình sự để hưởng mức án dưới khung hình phạt và mức án 03 năm tù.

Kiểm sát viên:

Đối với việc bị cáo sử dụng dao là phương tiện nguy hiểm để đe dọa bị hại, làm bị hại lo sợ bị đâm, lâm vào tình trạng không thể chống cự để bị cáo có thể dễ dàng thực hiện việc chiếm đoạt tài sản, việc bị cáo cất giao vô không có nghĩa là bị hại hết lo sợ, lúc này bị hại gần như đã bị tê liệt ý chí chống cự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo thuộc tình tiết định khung “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” theo quy định tại điểm d khoản Điều 168 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này do bị hại không có yêu cầu bồi thường và các bị cáo, Luật sư cũng không có tài liệu gì chứng minh việc bị hại đã nhận bồi thường số tiền 5.000.000 đồng và sau đó cho lại các bị cáo. Do đó, không có cơ sở để Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Bị cáo T khi biết được sự việc giữa vợ bị cáo và bị hại đã không xác minh, làm rõ hành vi của bị hại có trái pháp luật hay không, nếu có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định. Bị cáo không những không xác minh sự việc có đúng hay không mà còn sử dụng dao để cướp tài sản của bị hại. Do đó, Viện kiểm sát không đồng ý đề nghị áp dụng tình tiết “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát đã đề nghị cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đã xem xét toàn diện cho các bị cáo, xin phép giữ nguyên quan điểm truy tố và không tranh luận thêm.

Luật sư: Bảo lưu quan điểm và không tranh luận thêm.

Tại phiên tòa khi nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về

thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của bị hại tại phiên tòa: Bị hại đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Trong hồ sơ vụ án thể hiện: bị hại đã trình bày lời khai và yêu cầu, vì vậy căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại.

Tại phiên tòa, Luật sư Nguyễn Văn T1 đang là người bào chữa cho bị cáo T có nộp hồ sơ yêu cầu người bào chữa của gia đình bị cáo H1 và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho Luật sư T1 bào chữa cho cả bị cáo H1. Tại phiên tòa, bị cáo H1 và T đồng ý nhờ Luật sư T1 bào chữa cho bị cáo H1. Hội đồng xét xử xét thấy quyền và lợi ích của bị cáo T và bị cáo H1 không đối lập nhau, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo thì Hội đồng xét xử chấp nhận cho Luật sư T1 bào chữa cho bị cáo H1 theo quy định tại khoản 5 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: Căn cứ quy định của Điều 3; điểm b, c khoản 1 Điều 4 của Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự, đối chiếu mức hình phạt của Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thì không có quy định có lợi cho người phạm tội. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 7 năm 2025 nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa hôm nay, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực G – Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản cáo trạng thì các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Đối chiếu lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với tang vật đã thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra, với bản cáo trạng và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định: Vào khoảng hơn 06 giờ 00 phút ngày 11/6/2024, tại Phòng trọ G.02 địa chỉ số I đường P, Phường A, quận G, bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H1 đã có hành vi dùng 01 (một) con dao làm bếp, chiều dài 28 cm (cán dài 13 cm, lưỡi bằng kim loại dài 15 cm) giơ lên trước mặt và dùng lời nói đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc như “tao bắn mày trước, tao là cảnh sát hình sự và bên ngoài có nhiều anh em đang đứng chờ”, “mày có tin tao giết mày hay không”, dùng chân đá vào mặt bị hại, làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản của bị hại là ông Nguyễn Ngọc V 01 (một) điện thoại di động Iphone 13 Promax và ông Đinh Thế D 01 (một) máy tính xách tay hiệu D1 M6700 core i7 8GB AMD FirePro, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 16.833.334 đồng (Bằng chữ: Mười sáu triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng). Do

đó, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H1 đã phạm tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo T đã có hành vi sử dụng 01 (một) con dao làm bếp, chiều dài 28 cm (cán dài 13 cm, lưỡi bằng kim loại dài 15 cm) uy hiếp bị hại và dùng lời nói đe dọa "mày có tin tao giết mày hay không", làm cho bị hại lo sợ, lâm vào tình trạng không thể chống cự được. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù sau khi dùng dao đe dọa, bị cáo đã cất dao vào người rồi mới thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, song hành vi sử dụng dao uy hiếp bị hại trước đó vẫn là yếu tố trực tiếp làm cho bị hại hoảng sợ, không dám chống cự, tạo điều kiện thuận lợi để bị cáo thực hiện việc chiếm đoạt tài sản ngay sau đó. Do đó, việc bị cáo cất dao vào người không làm gián đoạn chuỗi hành vi phạm tội và không làm mất đi tính chất sử dụng phương tiện nguy hiểm trong quá trình chiếm đoạt tài sản. Con dao đã được bị cáo sử dụng như phương tiện uy hiếp ý chí của bị hại, nhằm đạt được mục đích chiếm đoạt, nên hành vi của bị cáo vẫn thuộc trường hợp thuộc trường hợp định khung “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khi vào nhà bị hại, các bị cáo đã chốt cửa, không cho bị hại ra ngoài, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc chiếm đoạt tài sản. Đồng thời, hành vi này xảy ra tại nơi ở hợp pháp của bị hại, do đó được coi là phương thức thực hiện hành vi cướp tài sản chứ không cấu thành Tội giữ người trái pháp luật theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 134/CT-VKS-GV, ngày 20/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực G – Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Văn T có vai trò khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, còn Nguyễn Văn H1 có vai trò là đồng phạm giúp sức tích cực. Do đó, các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với mức độ phạm tội của mình.

[5] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác và quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật và Nhà nước bảo hộ, các bị cáo đã thực hiện hành vi cướp tài sản của người khác rất táo bạo và liều lĩnh. Vì vậy, việc xử lý các bị cáo bằng biện pháp hình sự là hết sức cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và qua diễn biến phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H1 có Bà cố được truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng và có Ông cậu là liệt sĩ. Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại, đồng thời bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, gia đình các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

Bị hại ông Nguyễn Ngọc V và ông Đinh Thế D đã được trả lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường. Trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc bị hại đã nhận bồi thường từ gia đình của các bị cáo. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo T có mâu thuẫn tình cảm với V do bị cáo T biết được V có quan hệ tình cảm với O là vợ của bị cáo T. Tuy mâu thuẫn này có thể gây kích động tinh thần của bị cáo nhưng không phải là nguyên nhân dẫn đến hệ quả bị cáo thực hiện hành vi cướp tài sản của bị hại, không có mối quan hệ nhân quả giữa nguyên nhân kích động với hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện. Trong trường hợp này, bị cáo không được xem là thuộc trường hợp “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đồng thời qua đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực G – Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giúp cho các bị cáo có điều kiện học tập cải tạo lại mình sau này biết tôn trọng pháp luật và đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[6] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự, xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Ngọc V và ông Đinh Thế D vắng mặt nhưng qua hồ sơ thể hiện các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) USB chứa video Clip ghi nhận lại hình ảnh có nội dung liên quan đến vụ việc Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1 thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là chứng cứ của vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 (một) con dao làm bếp, chiều dài 28 cm (cán dài 13 cm, lưỡi bằng kim loại dài 15 cm) là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, tiêu huỷ.

Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ - đen mang biển số 68L1 – 179.22 có số khung: RLHJF5814GY545076, số máy: JF66E475914 qua xác minh trên xe trên do Nguyễn Văn H1 đứng tên chủ sở hữu, là phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu và nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, imei 1: 356547106428915, imei 2: 35654710629304 là tài sản cá nhân của bị cáo Nguyễn Văn T, không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo T.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 8T, kiểu máy CPH2481, số sim: 0866467764 là tài sản cá nhân của bị cáo Nguyễn Văn H1, không liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo H1.

[9] Vấn đề khác:

Đối với thương tích của ông Nguyễn Ngọc V, do vết thương đã lành, không đáng kể nên ông V từ chối giám định thương tích nên không có cơ sở xác định tỷ lệ thương tích của ông V.

Đối với Võ Thị Kiều O là người kẻ chuyện bị ông Nguyễn Ngọc V đánh cho Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H1 nghe. O không nói T và H1 đánh anh V để cướp tài sản, không bàn bạc với T và H1 về việc cướp tài sản, lời khai của O, H1 và T phù hợp với nhau, vì vậy chưa đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với O là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Trọng C là người được T nhờ gọi người đến lấy xe của T về quán thì sau khi nhận được cuộc gọi của T, C có nhờ một nam phục vụ đến lấy xe của T về nhưng không nhớ rõ nhân thân lai lịch và các nhân viên thời điểm đó cũng đã nghỉ việc. C xác định không biết và không liên quan đến hành vi cướp tài sản của T. T xác nhận Nguyễn Trọng C và nhân viên đến lấy xe giúp T không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của T và H1. Lời khai của C, H1 và T phù hợp với nhau do đó không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự đối với C và nam nhân viên là có cơ sở.

[10] Về án phí sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Luật Phí và Lệ phí; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[12] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Đề nghị của người bào chữa tại phiên tòa không phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 3; điểm b, c khoản 1 Điều 4 của Luật số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn H1.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 72; khoản 1, điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1 phạm tội “Cướp tài sản”.

[2] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/6/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/6/2024.

[3] Về biện pháp tư pháp:

Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án: 01 (một) USB chứa video Clip ghi nhận lại hình ảnh có nội dung liên quan đến vụ việc Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H1 thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) con dao làm bếp, chiều dài 28 cm (cán dài 13 cm, lưỡi bằng kim loại dài 15 cm).

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ - đen mang biển số 68L1 – 179.22 có số khung: RLHJF5814GY545076, số máy: JF66E475914.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, imei 1: 356547106428915, imei 2: 35654710629304, đã qua sử dụng.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H1 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno 8T, kiểu máy CPH2481, số sim: 0866467764, đã qua sử dụng.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng 302/PNK ngày 12/11/2024 của Công an quận G).

[5] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng).

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết.

[7] Nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực G – TP.HCM;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự;
- CQĐT Công an TP.HCM;
- Phòng PV06, Công an TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Châu L

